

Bản án số: 422/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/06/2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Văn

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa là Thư ký
Tòa án nhân dân quận Hà đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Như Thảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 06 năm 2025 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 891/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2024 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/QĐHPT-HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hồng T, sinh năm 1978; số định danh: 024178000925; ĐKTT: Khu tập thể, tổ , phường Y, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; nơi ở: số nhà, ngõ , đường Q, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang N, sinh năm 1968; số định danh: 034068003730; ĐKTT: Khu tập thể , tổ , phường Y, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án chị Đỗ Thị Hồng T trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) ngày 11 tháng 03 năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ vợ tại Khu T2 phường Y, quận Hà Đông, thành

phố Hà Nội. Sau đó, từ năm 2013 đến năm 2023, hai vợ chồng sống tại số nhà, ngõ , đường Q, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Từ khi bắt đầu sống chung vào năm 2003, anh N đã thường xuyên đi công tác xa nhà và không đóng góp khoản tài chính nào cho chị T để chăm sóc cho con. Sau khi sinh con thứ hai vào năm 2015, anh N có đóng góp tài chính cho gia đình nhưng thường xuyên vay mượn và chị T là người phải trả các khoản nợ đó. Sau đó, từ tháng 12 năm 2020 đến nay, anh N không đóng góp khoản tài chính nào và cũng không đóng góp công sức chăm sóc các con. Chị thường xuyên phải trả các khoản nợ do anh N vay và người đòi nợ đến nhà đòi, rất ảnh hưởng đến tâm lý các con. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh N có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Nguyệt H (nữ), sinh ngày 25/10/2003 và Nguyễn Quang H1 (nam), sinh ngày 22/10/2015. Hiện nay các con đang ở với chị. Cháu H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu toà án giải quyết. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Quang H1 và chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các vấn đề trên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Quang N vắng mặt và không có lời khai, không cung cấp tài liệu về quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Tại phiên tòa chị T xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N. Về con chung: Chị T, anh N có 02 con chung là: Nguyễn Đỗ Nguyệt H (nữ), sinh ngày 25/10/2003 đã trưởng thành và Nguyễn Quang H1 (nam), sinh ngày 22/10/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T, giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quang H1 kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 36; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn xin xét xử vắng có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, phiên tòa được tiến hành theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hồng T và anh Nguyễn Quang N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 11/03/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận Hà Đông, Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Hôn nhân của chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do anh N không đóng góp công sức, tài chính chăm lo cho vợ con. Quá trình giải quyết vụ án chị T cương quyết xin ly hôn; anh N vắng mặt không tham gia thủ tục tố tụng, hòa giải tại Tòa án, không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thể hiện mong muốn đoàn tụ gia đình. Xét thấy hôn nhân của chị T, anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: Chị T, anh N có 02 con chung là: Nguyễn Đỗ Nguyệt H (nữ), sinh ngày 25/10/2003 và Nguyễn Quang H1 (nam), sinh ngày 22/10/2015. Cháu H đã trưởng thành chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quang Hiếu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con; anh N không có quan điểm về vấn đề nuôi con; nguyện vọng của con chung cũng mong muốn được ở với mẹ nên cần ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

3. Chị T phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 ; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hồng T đối với anh Nguyễn Quang N. Chị Đỗ Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Quang N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị Hồng T. Giao chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là: Nguyễn Quang H1 (nam), sinh ngày 22/10/2015 kể từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Cháu Nguyễn Đỗ Nguyệt H đã trưởng thành, chị Thúy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0044626 ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND quận Hà đông;
- THA quận Hà Đông
- Các đương sự;
- UBND phường Q, quận Hà Đông, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Đình Văn